

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2025/ST-HNGĐ

Ngày: 17/3/2025

V/v: *tranh chấp xin ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Sự

Ông Nguyễn Ngọc Thiện

- Thư ký viên ghi biên bản phiên tòa: Ông Ngô Minh Quang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên

toà: Bà Nguyễn Thị Phương Lan- Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 3 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 375/2024/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp “*xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXX-ST ngày 26 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn TD**, sinh ngày: 04/9/1991; Hộ chiếu số: C961**** do Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ công an cấp ngày 01/10/2021; Căn cước công dân số: 001091***** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/7/2021; Nơi thường trú: số nhà **, đường X, tiểu khu T, thị trấn M, huyện X, thành phố Hà Nội; Nơi ở hiện tại: X, X-1, S, G, J, Hàn Quốc (X-1, 404 号); Số điện thoại liên hệ: 01092*****. Xin vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng của nguyên đơn: Công ty Luật TNHH Đ; Địa chỉ trụ sở: nhà X, ngõ X, đường X, thôn X, xã X, huyện X, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1984 thuộc Công ty Luật TNHH Đ - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; Số điện thoại liên hệ: 0978*****. Có mặt tại phiên tòa.

2. **Bị đơn**: Bà **Phạm Thị T**, sinh ngày 28/02/1994; Nơi thường trú: số nhà X, đường X, tiểu khu X, thị trấn X, huyện X, thành phố Hà Nội; Nơi ở hiện tại: số nhà **, đường X, tiểu khu X, thị trấn X, huyện X, thành phố Hà Nội; Số điện thoại liên hệ: 09698****. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, ông Nguyễn TD có đơn khởi kiện vụ án xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: xin ly hôn với bà Phạm Thị T.

Về con: Có 02 con chung là Nguyễn T, sinh ngày 02/5/2019 và Nguyễn T, sinh ngày 15/3/2013. Ông Nguyễn TD đề nghị giao cả hai con chung cho bà Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng do ông đang ở Hàn Quốc.

Cấp dưỡng nuôi con: Ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con: tự nguyện cấp dưỡng 2.500.000 đồng/1 cháu/1 tháng.

+ Về tài sản, nhà ở, vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Ông Nguyễn TD tự nguyện chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn TD xin vắng mặt. Đơn của ông Nguyễn TD có xác nhận chữ ký của cơ quan ngoại giao Việt Nam tại Hàn Quốc.

Bà Phạm Thị T đồng ý ly hôn với ông Nguyễn TD với các điều kiện sau:

- Trả hết số nợ cả hai vợ chồng vay của chị Phùng Thị T; địa chỉ: Số nhà X tiểu khu X, thị trấn X, huyện X, thành phố Hà Nội với tổng số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng không có giấy tờ vay nợ.

- Trả hết số nợ của bà Đỗ TT; địa chỉ số X phố M, B, Hà Nội số tiền 30.000.000 đồng không có giấy tờ.

- Bồi thường tuổi thanh xuân 300.000.000 đồng.

Đây là điều kiện để tôi đồng ý ly hôn với ông Nguyễn TD. Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết việc vay nợ này.

Về con chung và tài sản chung đồng ý với quan điểm của ông Nguyễn TD.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã xuất trình các tài liệu, chứng cứ sau:

1- 01 Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính).

2- 02 Giấy khai sinh của con (Bản sao)

3- Đơn xin vắng mặt, đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

4- Giấy tờ nhân thân khác.

Tại phiên tòa hôm nay;

Ông Nguyễn TD có đơn xin vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, kiên quyết xin ly hôn với bà Phạm Thị T.

Bà Phạm Thị T giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự giải quyết vụ án; các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Nguyễn TD đối với bà Phạm Thị T; Ông Nguyễn TD được ly hôn với bà Phạm Thị T. Về con: xác nhận ông Nguyễn TD và bà Phạm Thị T có 02 con chung là Nguyễn T, sinh ngày 02/5/2019 và Nguyễn T, sinh ngày 15/3/2013; giao cả hai con chung cho bà Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn TD cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/1 tháng/1 cháu; về tài sản, nhà ở: ông Nguyễn TD và bà Phạm Thị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về án phí: ông Nguyễn TD phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ông Nguyễn TD xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đang ở Hàn Quốc không về Việt Nam nên đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Nguyễn TD và bà Phạm Thị T kết hôn tự nguyện, không vi phạm điều cấm nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, ông Nguyễn TD xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019, ông Nguyễn TD đã sang Hàn Quốc để lao động. Sau khi ông Nguyễn TD nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, bà Phạm Thị T cũng đồng ý ly hôn với ông Nguyễn TD nhưng đưa ra các điều kiện để thuận tình ly hôn bao gồm: yêu cầu ông Nguyễn TD cùng thực hiện nghĩa vụ trả nợ và bồi thường tuổi xuân. Hội đồng xét xử xét thấy: Tình cảm vợ chồng giữa

ông Nguyễn TD và bà Phạm Thị T đã thực sự không tồn tại kể từ khi hai bên sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Điều kiện bà Phạm Thị T đưa ra để đồng ý thuận tình ly hôn không phù hợp với quy định của pháp luật vì: Việc vợ chồng có vay nợ chung thì phải có căn cứ, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này thì có quyền thỏa thuận tự giải quyết hoặc khởi kiện vụ án khác khi có yêu cầu. Về tiền bồi thường tuổi thanh xuân: xét thấy, hôn nhân xã hội chủ nghĩa dựa trên tình yêu chân chính và kết hôn tự nguyện nên không có quy định về bồi thường tuổi thanh xuân. Do đó, việc Tòa án giải quyết cho ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

[3] Về con chung:

Ông Nguyễn TD và bà Phạm Thị T có 02 con chung là Nguyễn T, sinh ngày 02/5/2019 và Nguyễn T, sinh ngày 15/3/2013. Khi ly hôn, ông Nguyễn TD và bà Phạm Thị T thỏa thuận giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn TD cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/1 tháng/ 1 cháu cho đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

Xét thấy, Sự tự nguyện thỏa thuận của hai bên phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về tài sản: Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn TD không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản khi ly hôn nên Tòa án không xem xét.

Giành quyền khởi kiện vụ án chia tài sản sau ly hôn bằng vụ án dân sự khác cho các đương sự khi có yêu cầu.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông Nguyễn TD phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Căn cứ vào Điều 27, 63, 227, 220, 264, 266, 267, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 19, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn TD và bà Phạm Thị T.

2- Về nuôi con chung: Giao 02 con chung Nguyễn T, sinh ngày 02/5/2019 và Nguyễn T, sinh ngày 15/3/2013 cho bà Phạm Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn TD có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/1 tháng/1 cháu kể từ tháng 3/2025 cho đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

Ông Nguyễn TD thực hiện quyền và nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con sau ly hôn theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi, quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3- Về chia tài sản: ông Nguyễn TD và bà Phạm Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Giành quyền khởi kiện vụ án chia tài sản sau ly hôn bằng vụ án dân sự khác cho các đương sự khi có yêu cầu.

4- Về án phí: Ông Nguyễn TD phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0076837 ngày 18/12/2024 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Ông Nguyễn TD còn phải nộp 300.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội;
- Cục THADS TP Hà Nội (án có hiệu lực);
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

Phương Thảo